

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 9 – 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hùng.
2. Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm Đ, sinh năm 1994; cư trú tại ấp M, thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*).

2. Bị đơn: Anh Phạm Tuấn C, sinh năm 1988; cư trú tại Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Phạm Tuấn C tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 12/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng địa chỉ Ấp D, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, mâu thuẫn đã được gia đình động viên hòa giải, vợ chồng cố gắng điều hòa nhưng không đạt kết quả. Nên vợ chồng

sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị và anh C có với nhau 01 người con chung tên Phạm Trâm A, sinh ngày 13/7/2014 hiện do anh C nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu A cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Phạm Tuấn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ly hôn và tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phạm Tuấn C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và anh Phạm Tuấn C là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Chị Đ và anh C có thời gian sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh C. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ. Căn cứ vào lời trình bày của chị Đ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị Đ và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị Đ và anh C.

[4] *Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*: Chị Đ và anh C có với nhau 01 người con chung tên Phạm Trâm A, sinh ngày 13/7/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với vấn đề về nuôi con và cấp dưỡng cho con khi ly hôn. Tuy nhiên, thực tế cháu A hiện do anh C trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 6/2019 cho đến nay. Để ổn định môi trường sinh sống, học tập của cháu A, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu A cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét anh C không có yêu cầu chị Đ cấp dưỡng cho con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Xét chị Đ không trực tiếp nuôi con, căn cứ vào khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị Đ phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Cẩm Đ và anh Phạm Tuấn C.

2. Về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Phạm Trâm A, sinh ngày 13/7/2014 cho anh Phạm Tuấn C được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2.3. Chị Huỳnh Thị Cẩm Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Cẩm Đ phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số No 0010223 ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Huỳnh Thị Cẩm Đ, vắng mặt anh Phạm Tuấn C. Báo cho chị Đ có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh C vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân